

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng năm 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I

**CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị (mã TTHC: 1.004780)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, khoản 8 và 9 Điều 2 Thông tư số 32/2020/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị (mã TTHC: 1.004763)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 32/2020/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt (mã TTHC: 1.005134)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 08 ngày làm việc.

- Bãi bỏ quy định lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 4 Điều 50 Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (mã TTHC: 1.005075)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 14/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy phép lái tàu cho các lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam (mã TTHC: 1.009479)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 08 ngày xuống còn 05 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 31 Thông tư số 15/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác (mã TTHC: 1.0001919)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ yêu cầu “bao gồm thông tin về diện tích công trình trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ”.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Công bố đưa bến xe khách vào khai thác (mã TTHC: 1.000660)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống còn 08 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 38 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Công bố lại bến xe khách (mã TTHC: 1000672)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 08 ngày xuống còn 06 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 38 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (mã TTHC: 1.001046)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa mẫu đơn tại Mẫu số 01 Phụ lục I Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT, như sau:

+ Bãi bỏ nội dung “do tổ chức tư vấn lập (trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt)”.

+ Đơn giản hóa, điều chỉnh lại nội dung cam kết tại đơn như sau: “(2)... (ghi tên đơn vị ký đơn) cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận thiết kế nút giao

đầu nổi và theo quy định của pháp luật”.

- Bãi bỏ yêu cầu về hồ sơ khảo sát và các nội dung liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày xuống còn 05 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 3 và Mẫu số 01 Phụ lục I Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp phép thi công nút giao đầu nổi vào đường quốc lộ đang khai thác (mã TTHC: 1.001061)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa Mẫu số 03 Phụ lục I Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT như sau: điều chỉnh nội dung cam kết “(2) cam kết thực hiện đúng Giấy phép thi công nút giao đầu nổi và theo quy định của pháp luật”.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày xuống còn 05 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 4 và Mẫu số 03 Phụ lục I Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 6: Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô (mã TTHC: 1.005021)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bổ sung hồ sơ bằng văn bản từ 03 ngày xuống còn 02 ngày.

- Giảm thời gian thẩm định và ra quyết định phê duyệt quy trình vận hành, khai thác từ 20 ngày xuống còn 09 ngày.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản sao công chứng).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng

quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7: Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô (mã TTHC: 1.005024)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 11 Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

III. LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG

1. Thủ tục hành chính 1: Phê chuẩn việc sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng (SIM) (mã TTHC: 1.004414)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày xuống còn 20 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 Điều 9.157 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp, công nhận Giấy chứng nhận loại (mã TTHC: 1.004408)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 300 ngày xuống 120 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21.025 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (mã TTHC: 1.004317)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 55 ngày xuống còn 35 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12.013 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT, Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT và Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4. Thủ tục hành chính: Gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (mã TTHC: 1.004306)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày xuống còn 20 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12.023 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT, Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT và Thông tư số 09/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay (mã TTHC: 1.000246)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm đối tượng phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép, năng định (những đối tượng sau đây không phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay): nhân viên không lưu (trừ kiểm soát viên không lưu và nhân viên HF/AG - High Frequency/Air Ground - thông tin sóng ngắn không - địa); nhân viên thông báo tin tức hàng không; nhân viên bản đồ, sơ đồ, dữ liệu hàng không; nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; nhân viên khí tượng hàng không; nhân viên thiết kế phương thức bay; nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống còn 11 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 339, Điều 340 và Điều 341 Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT ngày 14/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 03 và Phụ lục 05 Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không và Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 28/3/2025 của Bộ trưởng Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay (mã TTHC: 1.000239)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm đối tượng phải thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép, năng định (những đối tượng sau đây không phải thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay): nhân viên không lưu (trừ kiểm soát viên không lưu và nhân viên HF/AG - High Frequency/Air Ground - thông tin sóng ngắn không - địa); nhân viên thông báo tin tức hàng không; nhân viên bản đồ, sơ đồ, dữ liệu hàng không; nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; nhân viên khí tượng hàng không; nhân viên thiết kế phương thức bay; nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 12 ngày xuống còn 10 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 339, Điều 340 và Điều 342 Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT ngày 14/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 03 và Phụ lục 05 Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 của Bộ trưởng

Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không và Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 28/3/2025 của Bộ trưởng Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp lại Giấy phép và năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay (AMT) (mã TTHC: 1.003894)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày xuống còn 06 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 Điều 7.350 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT, Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT, Thông tư số 11/2022/TT-BGTVT và Thông tư số 28/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp lại giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) (mã TTHC: 1.004372)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày xuống còn 06 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 Điều 7.350 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT, Thông tư số 11/2022/TT-BGTVT và Thông tư số 28/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (ANS) (mã TTHC: 2.000102)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày xuống còn 08 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 333 Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm

hoạt động bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 15/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp lại Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (ANS) (mã TTHC: 1.000254)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 08 ngày xuống còn 06 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 334 Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 15/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp lại Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay (mã TTHC: 1.000271)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 08 ngày xuống còn 06 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 338 Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 15/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

12. Thủ tục hành chính 12: Cấp Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay (mã TTHC: 1.000283)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 08 ngày xuống còn 06 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 338 Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 15/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

IV. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

1. Thủ tục hành chính 1: Thẩm định thiết kế tàu biển (mã TTHC: 2.000087)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 18 ngày xuống còn 15 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Công nhận đăng kiểm viên (lần đầu) phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 1.004424)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính các văn bằng chứng chỉ chuyên môn”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23, Điều 24 Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Công nhận nâng hạng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 2.000121)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính các văn bằng chứng chỉ chuyên môn”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23, Điều 24 Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Công nhận lại đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 1.004423)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc với các trường hợp:

+ Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên hết hiệu lực quá 18 tháng.

+ Đăng kiểm viên đề nghị bổ sung phạm vi và loại hình kiểm tra nhưng không thay đổi hạng đăng kiểm viên hoặc đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận.

- Không yêu cầu kiểm tra thực tế trong trường hợp Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên hết hiệu lực nhưng không quá 18 tháng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24, Điều 25 Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa trong trường hợp đặc biệt (mã TTHC: 1.004422)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính các văn bằng chứng chỉ chuyên môn”.

- Giảm thời gian thực hiện việc thống nhất với đơn vị đăng kiểm (về thời gian, địa điểm kiểm tra) từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

- Giảm thời gian hoàn thành biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23, Điều 24 Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 1.000336)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 03 ngày làm việc xuống

còn 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 1.001364)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến, hoặc hình thức phù hợp khác.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế từ 20 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc đối với thiết kế loại phương tiện đóng bằng vật liệu mới, công dụng mới hoặc các phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, chở xô hóa chất nguy hiểm; tàu dầu có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60°C, có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên; tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí; nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, tàu chở khách có sức chở từ 100 khách trở lên.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thiết kế đã khắc phục tồn tại.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 1.001284)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến, hoặc hình thức phù hợp khác.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên, hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu (mã TTHC: 1.001131)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến, hoặc hình thức phù hợp khác.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên, hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 1.005091)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến, hoặc hình thức phù hợp khác.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên, hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

11. Thủ tục hành chính 11: Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển (mã TTHC: 1.000010)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian thống nhất với người nộp hồ sơ (về thời gian đánh giá thực tế tại cơ sở) từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

12. Thủ tục hành chính 12: Kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển (mã TTHC: 1.000305)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian thống nhất với người nộp hồ sơ (về thời gian đánh giá thực tế tại cơ sở) từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

13. Thủ tục hành chính 13: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực nhập khẩu sử dụng trong giao thông vận tải (mã TTHC: 1.004976)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu trong 01 ngày làm việc xuống còn 0,5 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải (mã TTHC: 1.004977)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thẩm định thiết kế từ 20 ngày làm việc xuống 13 ngày làm

việc.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

15. Thủ tục hành chính 15: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sản xuất, hoàn cải sử dụng trong giao thông vận tải (mã TTHC: 1.004932)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

16. Thủ tục hành chính 16: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải (mã TTHC: 1.004337)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận cơ sở từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

17. Thủ tục hành chính 17: Cấp Giấy chứng nhận thợ hàn (mã TTHC: 1.000300)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận cơ sở từ 03 ngày làm việc xuống còn

02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

18. Thủ tục hành chính 18: Kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải (mã TTHC: 2.000009)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thẩm định hồ sơ chuẩn bị kiểm tra, đánh giá từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

19. Thủ tục hành chính 19: Đánh giá, cấp giấy chứng nhận phù hợp cho công ty tàu biển theo Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) (mã TTHC: 2.000075)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

20. Thủ tục hành chính 20: Đánh giá, cấp giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật quản lý an toàn quốc tế cho tàu biển (Bộ luật ISM) (mã TTHC: 1.000026)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT

ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

21. Thủ tục hành chính 21: Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS) (mã TTHC: 1.004296)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Thực hiện việc nộp hồ sơ và trả kết quả trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

22. Thủ tục hành chính 22: Phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II và cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải (mã TTHC: 1.000256)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian thực hiện thẩm định hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

23. Thủ tục hành chính 23: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (công trình biển) (mã TTHC: 1.004318)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian thẩm định thiết kế từ 20 ngày làm việc xuống còn 18 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT ngày 19/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

24. Thủ tục hành chính 24: Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (đối với cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới) (mã TTHC: 1.001319)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Thay thế thành phần hồ sơ “Bản sao giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực” bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

25. Thủ tục hành chính 25: Cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (đối với cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới) (mã TTHC: 1.013071)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

26. Thủ tục hành chính 26: Cấp mở rộng Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp (mã TTHC: 1.013334)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

27. Thủ tục hành chính 27: Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp (mã TTHC: 1.013333)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

28. Thủ tục hành chính 28: Bổ sung hồ sơ đăng ký chứng nhận xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (mã TTHC: 1.013335)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trực tuyến từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

29. Thủ tục hành chính 29: Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.013327)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Sử dụng chứng chỉ chất lượng bản điện tử đối với trường hợp hồ sơ điện tử do dữ liệu chứng chỉ chất lượng đã được chia sẻ tới các cơ quan hữu quan để thực hiện các thủ tục hành chính và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: hóa đơn thương mại.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 Điều 5 Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

30. Thủ tục hành chính 30: Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu (mã TTHC: 1.013328)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Chuyển hình thức cấp giấy chứng nhận bản giấy sang cấp giấy chứng nhận bản điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, Điều 10 Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

31. Thủ tục hành chính 31: Cấp lại Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong trường hợp bị mất (mã TTHC: 1.013330)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 04 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

32. Thủ tục hành chính 32: Cấp lại Chứng chỉ chất lượng phụ tùng xe cơ giới trong trường hợp Chứng chỉ chất lượng hết hiệu lực hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến người nhập khẩu trên chứng chỉ chất lượng (mã TTHC: 1.013331)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian cấp Chứng chỉ chất lượng từ 04 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

33. Thủ tục hành chính 33: Cấp đổi Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới (mã TTHC: 1.013329)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 04 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13 Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

34. Thủ tục hành chính 34: Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển (mã TTHC: 1.000229)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

35. Thủ tục hành chính 35: Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (mã TTHC: 1.004990)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với đối tượng kiểm tra toa xe đường sắt đô thị sản xuất lắp ráp từ 46 ngày xuống còn 31 ngày, cụ thể như sau:

+ Giảm thời gian kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 05 ngày.

+ Giảm thời gian đối chiếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra với nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

- Giảm tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với đối tượng kiểm tra toa xe đường sắt đô thị nhập khẩu từ 46 ngày xuống còn 31 ngày, cụ thể như sau:

+ Giảm thời gian kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 05 ngày.

+ Giảm thời gian đối chiếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra với nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

- Cắt giảm đối tượng kiểm tra trực bánh xe sản xuất lắp ráp, nhập khẩu.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3, Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

- Sửa đổi, bổ sung mục 6 phụ lục II Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Bãi bỏ QCVN 110:2023/BGTVT Bộ trục bánh xe của đầu máy, toa xe.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

36. Thủ tục hành chính 36: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (mã TTHC: 1.001322)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 23 ngày xuống còn 16 ngày, cụ thể:

- Giảm thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

37. Thủ tục hành chính 37: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (mã TTHC: 1.001296)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 21 ngày xuống còn 14 ngày, cụ thể:

- Giảm thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày

15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

38. Thủ tục hành chính 38: Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu (mã TTHC: 1.013089)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 01 ngày xuống còn 0,5 ngày.

- Thay thế xuất trình giấy tờ về đăng ký xe bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5, Điều 6 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

39. Thủ tục hành chính 39: Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) (mã TTHC: 1.005103)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 01 ngày xuống còn 0,5 ngày đối với trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm.

- Thay thế xuất trình giấy tờ về đăng ký xe bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9, Điều 11 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

40. Thủ tục hành chính 40: Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.013205)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 01 ngày xuống còn 0,5 ngày đối với trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm.

- Thay thế xuất trình giấy tờ về đăng ký xe bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9 và Điều 12 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

41. Thủ tục hành chính 41: Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.013092)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 01 ngày xuống còn 0,5 ngày đối với trường hợp giấy chứng nhận kiểm định bị sai thông tin, bị hỏng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

42. Thủ tục hành chính 42: Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (mã TTHC: 1.013206)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể:

+ Giảm thời gian kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

+ Giảm thời gian cấp Giấy chứng nhận từ 05 ngày xuống còn 03 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu (đối với trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế).

- Thay thế xuất trình giấy tờ về đăng ký xe bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 22, Điều 23 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

43. Thủ tục hành chính 43: Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo (mã TTHC: 1.013097)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin và hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.

- Thay thế xuất trình giấy tờ về đăng ký xe bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 21, khoản 4 Điều 24 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

44. Thủ tục hành chính 44: Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (mã TTHC: 1.013101)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 01 ngày xuống còn 0,5 ngày.

- Thay thế xuất trình giấy tờ về đăng ký xe bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

45. Thủ tục hành chính 45: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (mã TTHC: 1.013105)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.
- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

46. Thủ tục hành chính 46: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (mã TTHC: 1.013110)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.
- Giảm thời gian cấp giấy chứng nhận từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10, Điều 11 Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

47. Thủ tục hành chính 47: Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận (mã TTHC: 1.013070)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Thay thế "Bản sao giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực" bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

48. Thủ tục hành chính 48: Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận (mã TTHC: 1.013069).

a) Nội dung đơn giản hóa:

Thay thế "Bản sao giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực" bằng dữ liệu điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

49. Thủ tục hành chính 49: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp (mã TTHC: 1.013332)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian cấp Giấy chứng nhận từ 03 ngày làm việc thành 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

PHẦN II

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ NHÓM B

I. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Quy định rõ thời gian thực hiện tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị và Quyết định công nhận kết quả sát hạch sỹ quan kiểm tra tàu biển.

- Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về sỹ quan tàu biển.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Đổi thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Quy định rõ thời gian thực hiện tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị và Quyết định công nhận kết quả sát hạch sỹ quan kiểm tra tàu biển.

- Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về sỹ quan tàu biển.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Quy định rõ thời gian thực hiện tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị và Quyết định công nhận kết quả sát hạch sỹ quan kiểm tra tàu biển.

- Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về sỹ quan tàu biển.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm do Bộ Xây dựng quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu chính, hoặc hệ thống điện tử

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025 - 2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do Bộ Xây dựng quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Quy định rõ thời gian thực hiện tối đa 15 ngày từ ngày Bộ Xây dựng nhận tờ trình đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam.

- Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu chính, hoặc qua thống điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 7 Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Phê duyệt dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Quy định rõ thời gian thực hiện tối đa 15 ngày từ ngày Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam nhận tờ trình đề nghị của các đơn vị trực thuộc Cục.

- Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thống điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 7 Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia không còn nhu cầu khai thác, sử dụng

a) Nội dung đơn giản hóa:

Sửa đổi, bổ sung quy định về cách thức thực hiện (bao gồm: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, trực tuyến), số lượng hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026-2027.

8. Thủ tục hành chính 8: Công bố mở luồng đường thủy nội địa quốc gia

a) Nội dung đơn giản hóa:

Sửa đổi, bổ sung quy định về cách thức thực hiện (bao gồm: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, trực tuyến), số lượng hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026-2027.

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT

1. Thủ tục hành chính 1: Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt

a) Nội dung đơn giản hóa:

Quy định rõ thời gian giải quyết TTHC là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 46 của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04/01/2022, Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14/12/2023 của Chính phủ).

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Thành lập Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt đặc biệt nghiêm trọng có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 23/2018/TT-BGTVT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và phân tích, thống kê báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Xử lý đối với các công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 28/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Xử lý đối với các công trình đường sắt hết niên hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 28/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Xử lý trường hợp số liệu quan trắc vượt quá giá trị cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 28/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 6: Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường sắt quốc gia

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian thực hiện công tác rà soát, cập nhật kế hoạch bảo trì từ 10 ngày xuống còn 05 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 28/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7: Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt quốc gia

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian thực hiện công tác rà soát, cập nhật kế hoạch bảo trì từ 10 ngày xuống còn 05 ngày.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 28/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 8: Phê duyệt phương án giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt

a) Nội dung đơn giản hóa:

Quy định cụ thể thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 15, Điều 22 Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng biểu đồ chạy tàu và điều hành giao thông vận tải đường sắt, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2019/TT-BGTVT ngày 11/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục hành chính 1: Chấp thuận phương án giá vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Thẩm định, phê duyệt Hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ứn tắc, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025-2026.

IV. LĨNH VỰC THANH TRA

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp thẻ công chức thanh tra

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Thông tư số 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp đổi thẻ công chức thanh tra

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Thông tư số 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại thẻ công chức thanh tra

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Thông tư số 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp thẻ kiểm tra

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Thông tư số 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp đổi thẻ kiểm tra

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Thông tư số 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại thẻ kiểm tra

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Thông tư số 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7: Phê duyệt kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Thông tư số 51/2022/TT BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

PHẦN III
CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA HOẠT ĐỘNG
KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

I. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG

1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bãi bỏ quy định kiểm tra chuyên ngành đối với 15 sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa VLXD	Thuộc nhóm sản phẩm, hàng hóa mã HS (theo Thông tư 31/2022/TT- BTC)
1	Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng	2520.10.00
2	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng	2621.90.00
3	Gạch bê tông tự chèn	6810.19.10
4	Gạch đất sét nung	6904.10.00
5	Gạch bê tông	6810.11.00
6	Tấm sóng amiăng xi măng	6811.40.10
7	Ngói đất sét nung	6905.10.00
8	Tấm thạch cao và Panel thạch cao cốt sợi	6809.11.00 6809.19.90
9	Ngói bê tông	6811.82.20
10	Chậu rửa	7324.90.10 6910.10.00
11	Bồn Tiểu nam treo tường	7324.90.10 6910.10.00
12	Bồn Tiểu nữ	7324.90.10 6910.10.00
13	Bệ Xí bệt	7324.90.10

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa VLXD	Thuộc nhóm sản phẩm, hàng hóa mã HS (theo Thông tư 31/2022/TT- BTC)
		6910.10.00
14	Hệ thống thang cáp và máng cáp bằng sắt hoặc thép sử dụng trong lắp đặt điện của công trình	7308.90.60 7326.90.99
15	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) dùng để bảo vệ và lắp đặt dây dẫn điện trong nhà	3917.21.00 3917.22.00 3917.23.00 3917.40.00

b) Chuyển từ kiểm tra chuyên ngành trước thông quan sang kiểm tra chuyên ngành sau thông quan khi nhập khẩu đối với 10 sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa VLXD	Thuộc nhóm sản phẩm, hàng hóa mã HS (theo Thông tư 31/2022/TT- BTC)
1	Xi hạt lò cao	2618.00.00
2	Gạch gốm ốp lát	6907.21.91 6907.21.93 6907.22.91 6907.22.93 6907.23.91 6907.23.93 6907.21.92 6907.22.92 6907.23.92 6907.21.94 6907.22.94 6907.23.94
3	Ngói gốm tráng men	6905.10.00
4	Kính nổi	7005.29.90
5	Kính phẳng tôi nhiệt	7007.19.90
6	Kính màu hấp thụ nhiệt	7005.21.90

7	Kính phủ phản quang	7005.21.90
8	Kính phủ bức xạ thấp (Low E)	7005.21.90
9	Kính hộp gắn kín cách nhiệt	7008.00.00
10	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp	7007.29.90

2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Phụ lục II: Danh mục, sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng có khả năng gây mất an toàn (Nhóm 2) ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025 - 2026.

II. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

1. Nhóm phương tiện giao thông đường bộ, phụ tùng

a) Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm quy định kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng quy định đối với các sản phẩm, hàng hóa sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT- BGTVT)
1	Vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới	8708.99.80
2	Ắc quy chì-a xít, lithium-ion dùng cho xe mô tô, xe gắn máy	8507
3	Thùng nhiên liệu xe ô tô	8708.99
4	Ô tô chở phạm nhân	87.03
5	Sơ mi rơ moóc kiểu dolly	8716.40.00
6	Sơ mi rơ moóc băng tải	8716.40.00
7	Rơ moóc rải phụ gia làm đường	8716.40.00

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT- BGTVT)
8	Xe kéo trong kho bãi, nhà xưởng	87.01
9	Xe phun tưới chất lỏng	8705.90.50
10	Xe băng tải	8705.90.50
11	Xe nâng	8427.10.00 8427.20.00
12	Xe đưa hành khách khuyết tật lên máy bay	8705.90.50
13	Xe quét, chà sàn	8705.90.50
14	Xe cào, vận chuyển vật liệu (máy cào, vận chuyển vật liệu)	84.30
15	Xe cạp (máy cạp)	84.29.30.00
16	Xe hút bùn, bể phốt	8705.90.50
17	Xe cứu thương lưu động	87.03
18	Xe cần cẩu bánh xích (cần trục bánh xích) - Loại có buồng lái và buồng điều khiển cơ cấu công tác riêng biệt	8705.10.00
19	Xe lu loại khác	8429.40.90
20	Xe kéo bánh xích	8701.30.00
21	Xe đóng cọc và nhổ cọc (máy đóng cọc và nhổ cọc)	8430.10.00
22	Xe chở nước sạch cho máy bay (có cơ cấu cấp nước sạch cho máy bay)	87.09

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao

thông vận tải quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

2. Nhóm tàu biển

a) Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm quy định kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng quy định đối với các sản phẩm, hàng hóa sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT- BGTVT)
1	Tàu thuyền khác, thân tàu hoặc tàu chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện, đã lắp ráp, hoặc chưa lắp ráp hoặc tháo rời, hoặc tàu hoàn chỉnh chưa lắp ráp hoặc tháo rời nếu không có đặc trưng cơ bản của một loại tàu cụ thể (trừ các phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh)	89.06
2	Tàu đèn hiệu (hải đăng)	89.05
3	Ụ nổi sửa chữa tàu	89.05

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II/ mục III: Lĩnh vực tàu biển quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT ngày 30/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

3. Nhóm phương tiện thủy nội địa

a) Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm quy định kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng quy định đối với các sản phẩm, hàng hóa sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT- BGTVT)
1	Tàu thủy chở khách	89.01 89.03
2	Du thuyền	89.01 89.03
3	Phà	89.01 89.03
4	Tàu thủy chở hàng	89.01 89.03
5	Sà lan	89.01 89.03
6	Các tàu thuyền tương tự để vận chuyển người hoặc hàng hóa, các loại tàu thuyền thể thao, vui chơi giải trí và canô (trừ các phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh)	89.01 89.03
7	Tàu kéo (trừ các phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh)	89.04
8	Tàu đẩy (trừ các phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh)	89.04
9	Tàu đèn hiệu	89.05
10	Tàu cứu hỏa	89.05
11	Tàu hút nạo vét	89.05
12	Tàu cuốc	89.05
13	Cần cẩu nổi	89.05
14	Tàu thuyền khác mà tính năng di động trên mặt nước chỉ nhằm bổ sung cho chức năng chính của các tàu thuyền này	89.05
15	Ụ nổi sửa chữa tàu	89.05

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT- BGTVT)
16	Tàu thuyền khác, thân tàu hoặc tàu chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện, đã lắp ráp, hoặc chưa lắp ráp hoặc tháo rời, hoặc tàu hoàn chỉnh chưa lắp ráp hoặc tháo rời nếu không có đặc trưng cơ bản của một loại tàu cụ thể (trừ các phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh)	89.06

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ toàn bộ nội dung Khoản 1, 2, 3 và 4 Mục IV. Lĩnh vực phương tiện thủy nội địa tại Phụ lục II Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4. Nhóm đường sắt

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thay đổi hình thức kiểm tra từ trước thông quan sang sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu đối với các sản phẩm, hàng hóa sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT- BGTVT)
1	Đầu máy Diesel (<i>chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm</i>)	8602
2	Toa xe chở khách không tự hành (<i>chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm</i>)	86.05.00.00
3	Toa xe công vụ, phát điện (<i>chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm</i>)	86.05.00.00

- Cắt giảm quy định kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng quy định đối với các sản phẩm, hàng hóa sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT- BGTVT)
1	Bộ trục bánh xe của đầu máy	86.07.11
2	Bộ trục bánh xe của toa xe	86.07.12
3	Thiết bị tín hiệu đuôi tàu	8530.10.00

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung mục II, Phụ lục I và mục V, Phụ lục II: Lĩnh vực Đường sắt Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải để cắt giảm các sản phẩm, hàng hóa.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

5. Nhóm sản phẩm công nghiệp dùng trong giao thông vận tải và phương tiện thăm dò khai thác trên biển (không áp dụng đối với sản phẩm dùng cho tàu tạm nhập tái xuất và mang cờ nước ngoài)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm nhóm sản phẩm công nghiệp dùng trong giao thông vận tải và phương tiện thăm dò khai thác trên biển đối với các sản phẩm, hàng hóa sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT- BGTVT)
1	Xuồng cứu sinh, cấp cứu (dùng cho tàu biển; phương tiện thăm dò khai thác trên biển)	8906.90.90
2	Bè cứu sinh (dùng cho tàu biển; phương tiện thăm dò khai thác trên biển)	8907.9
3	Đuốc cầm tay (dùng cho tàu biển; phương tiện thăm dò khai thác trên biển)	3604.90.90
4	Thang cho người lên/xuống thiết bị cứu sinh (Embarkation ladder) (dùng cho tàu biển; phương tiện thăm dò khai thác trên biển)	44.21

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Mục VI -Lĩnh vực sản phẩm công nghiệp dùng trong giao thông vận tải và phương tiện thăm dò khai thác trên biển – Phụ lục II: Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau thông quan ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải để cắt giảm các sản phẩm, hàng hóa.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.